

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2017 - 2018

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Quận	Giải
25	15.037	Công nghệ	Phạm Thành	Đăng	15	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Nhì
27	15.164	Công nghệ	Phạm Thảo	Quyên	1	1	2003		9/3	THCS-THPT Diên Hồng	QUẬN 10	Nhì
63	15.171	Công nghệ	Phan Hồng	Tân	13	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	Ba
73	15.072	Công nghệ	Nguyễn Quốc	Huy	1	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	Ba
89	15.120	Công nghệ	Dương Quý	Mi	10	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	Ba
121	15.125	Công nghệ	Nguyễn Công Nhật	Minh	5	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Ba
168	08.158	Địa	Nguyễn Hoàng Đức	Minh	23	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/14	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Nhì
227	08.317	Địa	Lê Quách Đan	Trân	8	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	Ba
246	08.290	Địa	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	27	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Ba
335	03.297	Hóa	Nguyễn Khương	Thịnh	28	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	93	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Nhất
430	03.190	Hóa	Lê Tấn Khánh	Ngân	4	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	Ba
481	03.026	Hóa	Nguyễn Duy	Bảo	1	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	92	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Ba
520	13.197	Kiến thức THPT	Vũ Công	Phan	14	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	Nhất
523	13.060	Kiến thức THPT	Nguyễn Thành	Đạt	30	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/6	THCS Trần Phú	QUẬN 10	Nhất
645	13.218	Kiến thức THPT	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	8	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	93	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Ba
673	13.115	Kiến thức THPT	Nguyễn Trần Minh	Khôi	24	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	93	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Ba
760	02.323	Lý	Nguyễn Hoàng Yên	Thy	16	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Nhì
761	02.043	Lý	Nguyễn Châu Vĩ	Cường	17	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	Nhì
768	02.082	Lý	Phạm Hà Minh	Hạnh	12	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/15	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Nhì
801	02.054	Lý	Lê Trần Mỹ	Duyên	25	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	94	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Ba
846	02.309	Lý	Vũ Đức	Thịnh	20	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Ba
889	02.137	Lý	Nguyễn Tuấn	Khoa	3	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Ba
984	04.283	Sinh	Lê Đức	Tài	30	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	Nhì
993	04.202	Sinh	Nguyễn Hoàng	Ngân	18	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	Nhì
997	04.338	Sinh	Văn Vũ Phương	Uyên	6	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	93	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Nhì
1011	04.067	Sinh	Nguyễn Vũ Phương	Duyên	14	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	94	THCS Cách Mạng Tháng Tám	QUẬN 10	Ba
1048	04.164	Sinh	Trần Mỹ	Linh	21	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	94	THCS Cách Mạng Tháng Tám	QUẬN 10	Ba
1069	04.188	Sinh	Nguyễn Hồng	Minh	19	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	Ba
1079	04.162	Sinh	Lâm Mỹ	Linh	24	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	92	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Ba
1110	04.251	Sinh	Lý Chấn	Phong	17	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	93	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Ba

KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2017 - 2018

STT	SBD	MÔN	HỌ	TÊN	Ngày sinh			Nơi sinh	Lớp	Trường	Quận	Giải
1116	04.354	Sinh	Phạm Khánh	Vy	7	3	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/5	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	Ba
1176	07.307	Sử	Hoàng Minh	Tuấn	18	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Ba
1215	07.058	Sử	Nguyễn Trương Mỹ	Duyên	11	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Ba
1272	14.033	Thực nghiệm KHTN	Trần Nghị	Dương	18	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/14	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Nhì
1275	14.113	Thực nghiệm KHTN	Trần Kim Bảo	Ngọc	1	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/14	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Nhì
1334	14.005	Thực nghiệm KHTN	Nguyễn Hồ Thúy	An	25	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	Ba
1336	14.112	Thực nghiệm KHTN	Huỳnh Bảo	Ngọc	19	2	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/3	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	Ba
1346	14.004	Thực nghiệm KHTN	Trần Nguyễn Thái	An	13	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Ba
1351	14.199	Thực nghiệm KHTN	Vũ Đức Lan	Vy	27	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/2	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Ba
1399	09.162	Tiếng Anh	Trần Minh	Khôi	16	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/4	THCS Nguyễn Tri Phương	QUẬN 10	Nhì
1452	09.010	Tiếng Anh	Phạm Nguyễn Hoàng	Anh	20	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Nhì
1466	09.342	Tiếng Anh	Văn Gia	Thụy	27	11	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Nhì
1470	09.009	Tiếng Anh	Nguyễn Hoàng	Anh	12	12	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Nhì
1525	09.028	Tiếng Anh	Đoàn Sĩ	Anh	3	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/15	THCS Hoàng Văn Thụ	QUẬN 10	Ba
1557	09.142	Tiếng Anh	Văn Đỗ Ngọc	Khánh	15	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Ba
1810	01.036	Toán	Lê Đức	Cường	29	4	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Nhì
1831	01.248	Toán	Nguyễn Cao Minh	Phương	29	9	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Nhì
1836	01.137	Toán	Âu Vĩnh	Khang	19	7	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Nhì
1860	01.048	Toán	Trần Lê Minh	Duy	6	8	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/7	THCS Trần Phú	QUẬN 10	Nhì
1867	01.208	Toán	Nguyễn Hồng	Ngọc	30	6	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	Ba
2056	06.129	Văn	Bùi Lê Hồng	Loan	21	5	2003		9/3	THCS-THPT Diên Hồng	QUẬN 10	Nhì
2079	06.364	Văn	Nguyễn Hoàng Kỳ	Xuân	27	5	2003	Tp Hồ Chí Minh	91	THCS Nguyễn Văn Tố	QUẬN 10	Nhì
2087	06.094	Văn	Lưu Mỹ	Huyền	13	1	2003	Tp Hồ Chí Minh	92	THCS Cách Mạng Tháng Tám	QUẬN 10	Nhì
2094	06.169	Văn	Lâm Vũ Từ	Nghị	20	12	2003		9/2	THCS-THPT Diên Hồng	QUẬN 10	Ba
2101	06.107	Văn	Trần Nguyễn Thụy	Khanh	23	10	2003	Tp Hồ Chí Minh	9/1	THCS Lạc Hồng	QUẬN 10	Ba